

MÔ HÌNH ĐÀO TẠO NGUỒN KẾ CẬN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI THỂ THAO VIỆT NAM

Phạm Việt Hùng⁽¹⁾

Tóm tắt:

Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và phỏng vấn các chuyên gia, chúng tôi đã tổng hợp kinh nghiệm xây dựng mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao của Mỹ, Liên Bang Nga, Trung Quốc, Australia, New Zealand, Singapore, Thái Lan... Kết quả cho thấy, mỗi quốc gia đều có những cách xây dựng nguồn VĐV thể thao thành tích cao riêng, nhưng có một điểm chung là họ đều chú trọng đến công tác đào tạo VĐV trẻ. Đây là tiền đề quan trọng để chúng tôi rút ra những bài học kinh nghiệm đối với công tác xây dựng nguồn kế cận thể thao thành tích cao ở Việt Nam.

Từ khóa: Kinh nghiệm, mô hình, đào tạo nguồn kế cận, thể thao thành tích cao.

Models of training high-performance sports successors in some countries around the world and lessons for Vietnamese sports

Summary:

By analyzing, synthesizing documents and interviewing experts, we have summarized the experience of building a model of training high-performance sports successors in the US, China, Australia, New Zealand, Singapore, Thailand ... The results show that each country has its own way of building high-performance athletes, but they have one thing in common: they all focus on training young athletes. This is an important premise for us to draw lessons for building high-performance sports successors in Vietnam.

Keywords: Experience, model, training successor source, high performance sports.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam, Thể thao thành tích cao (TTTTTC) có sự phát triển khởi sắc và đạt được nhiều thành tựu. Thành tích ở một số môn thể thao Olympic được nâng cao, các môn thể thao trọng điểm, có thể mạnh tại các kỳ Đại hội Thể thao và các giải thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. TTTTC tuy đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng so với giai đoạn trước, đặc biệt là thành tích thể thao ở một số môn thể thao cơ bản (Điền kinh, Bơi lội, Thể dục) và các môn trong chương trình Olympic đã có sự tiến bộ rõ nét, song nhìn chung thành tích thể thao của nước ta còn thấp so với châu lục và thế giới. Lực lượng vận động viên (VĐV) TTTTC còn mỏng, kinh phí đầu tư cho công tác tuyển chọn, đào tạo còn thấp và dàn trải, dẫn tới việc đào tạo trong nước và tập huấn cộ xát nâng cao trình độ chuyên môn gặp nhiều khó khăn.

Việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ và y học thể thao trong đào tạo VĐV, nhất là VĐV trình độ cao, còn nhiều hạn chế. Đây chính là những khó khăn đòi hỏi sự chung tay của các cấp, các ngành, các địa phương trong cả nước để hướng đến mục tiêu đưa Thể thao Việt Nam giành nhiều thành tích cao hơn nữa trên đấu trường thể thao thế giới.

Xuất phát từ thực tiễn đó, chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp kinh nghiệm xây dựng mô hình đào tạo nguồn kế cận TTTTC trên thế giới, từ đó rút ra những bài học, kinh nghiệm cho công tác đào tạo VĐV TTTTC ở Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết nhiệm vụ đặt ra, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp toán học thống kê.

⁽¹⁾PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: viethungpham.ql@gmail.com

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao trên thế giới

Việc xác định và xây dựng mô hình đào tạo VĐV đẳng cấp cao, trong đó định hướng trong công tác tuyển chọn, huấn luyện đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu.

Tại Mỹ:

Trong khâu tuyển chọn, kinh nghiệm thể thao đỉnh cao của Mỹ bắt nguồn từ thể thao đại học là một ví dụ cụ thể. Mỹ là một quốc gia rất chú trọng, quan tâm đến vấn đề giáo dục, không ngoại lệ đối với các VĐV thể thao, hầu hết các VĐV đều có bằng đại học trước khi bước lên chuyên nghiệp. Tại Mỹ, họ có những cơ chế mở cho phép các VĐV được lấy học bổng Thể thao và vẫn có thể được rời trường để chuyển sang chơi chuyên nghiệp nếu họ không muốn đi sâu vào con đường học vấn.

Sức ảnh hưởng của nền thể thao đại học tại Mỹ là vô cùng to lớn, nếu không muốn nói là hình thành nên một phần khuôn mặt của giáo dục đại học ở Mỹ. Nhờ có thể thao, các trường đại học ở Mỹ đa phần tự túc tài chính, họ đứng tách biệt hoàn toàn so với nền Đại học ở gần như khắp nơi trên thế giới, nơi phần lớn các trường Đại học dùng ngân sách của Nhà nước. Một thống kê cho thấy, chỉ riêng các VĐV Mỹ đến từ các trường Đại học bang California (UCLA) có thể đứng hạng 17 trên Bảng tổng sắp huy chương ở Olympic Bắc Kinh 2008, khi giành được 15 huy chương, trong đó có 4 HCV, 9 HCB và 2 HCB.

Gần 80% trong số 555 thành viên đoàn thể thao Mỹ tham dự Olympic Rio 2016 từng thi đấu ở các giải thể thao sinh viên Đại học và câu lạc bộ, trong đó có 44 VĐV ở môn Bơi và 125 ở môn Điền kinh, Bóng rổ 24 người, Nhảy cầu 10, Đấu kiếm 14, Hockey trên cỏ 16, Bóng chày trong nhà 24, Chèo thuyền 41, Ba môn phối hợp 6 và Bóng nước 21. Có thể nói, ở Mỹ họ dùng các trường học để tìm ra những con người thể thao xuất sắc nhất.

Tại Liên bang Nga:

Một điểm “nhấn” trong công tác tuyển chọn có tính đến công nghệ và tính giai đoạn đó là QĐ số 6/6 ngày 10/8/1986: “ Về sự ra đời của hệ thống tuyển chọn VĐV năng khiếu”. Quyết

định này là cơ sở pháp lý chính cho việc tạo ra các cấu trúc chức năng chuyên môn – là các trung tâm tuyển chọn với mục đích tăng cường công việc theo hướng nghiên cứu công nghệ.

Hầu hết các trung tâm lớn đã được thành lập tại Riga (1988), Kiev (1990), Minsk (1991). Các trung tâm tuyển chọn thể thao được thiết kế, một mặt, nhằm thực hiện công việc khoa học - thực hành trong tuyển chọn thể thao, mặt khác nhằm xây dựng tiêu chuẩn và ứng dụng trong thực hành giáo dục - thể thao với phương pháp chẩn đoán năng khiếu thể thao hiện đại.

Chuyên môn hóa khâu tổ chức phục vụ tuyển chọn thể thao góp phần vào việc tạo ra công nghệ khác nhau đối với lĩnh vực này. Xây dựng hệ thống tuyển chọn duy nhất trong cả nước bao gồm việc tổ chức một số hoạt động có liên quan chặt chẽ đến các giai đoạn huấn luyện thể thao dài hạn.

Hệ thống tuyển chọn duy nhất sẽ phân tích và kiểm tra thực nghiệm về tính hiệu quả các mô hình khác nhau trong tuyển chọn, trong khuôn khổ khảo sát bằng biện pháp tổ chức. Các mô hình như trên chỉ có giá trị khi các mô hình thực nghiệm phù hợp với những đặc tính cơ bản của hệ thống kế hoạch, với mục đích của nó, với các nhiệm vụ, phương pháp, những đặc điểm của các giai đoạn đào tạo nhiều năm và phân tích:

- Luận chứng về chương trình thực nghiệm và công nghệ tuyển chọn.

- Xác định hợp lý hình thức tổ chức tuyển chọn.

- Xác định cơ chế và phương tiện quản lý hệ thống tuyển chọn, bao gồm phân tích, kiểm tra và điều chỉnh hoạt động.

Các năng lực thể chất hình thành không đồng đều, chúng có những thời kì phát triển nhanh và có thời kì phát triển chậm. Điều này phản ánh sự khác biệt trong tốc độ tiệm cận với tuổi trưởng thành. Thông thường những năng lực thể thao được biểu hiện sớm, nhưng cũng có những trẻ em biểu hiện các năng lực diễn ra chậm hơn. Đôi khi đây là con đường phát triển nhiều triển vọng, đảm bảo cho cho việc đạt thành tích thể thao cao sau này.

Tăng cường hoạt động nghiên cứu tuyển chọn trong thể thao vào giữa những năm 80 đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển các phương pháp

luyện và phương pháp tổ chức, và đó là xu thế mạnh nhất với việc tìm kiếm những cái mới, trong việc tiếp cận bằng phương pháp luận hiệu quả hơn nhằm dự báo năng khiếu thể thao, trên cơ sở đó có thể có được hiệu quả cao trong dự báo thành tích VĐV.

Thời điểm cuối những năm 70-80 đã hình thành nhóm khoa học đồng bộ tiếp cận với các môn thể thao Olympic, nơi các dữ liệu khoa học mới được sử dụng để tuyển chọn các VĐV có triển vọng tham gia thi đấu quốc tế lớn. Kết quả thi đấu của các VĐV mạnh không phải chờ đợi lâu. Họ đã giành chiến thắng ở Olympic 1980, 1988 và 1992.

Như vậy việc xác định và xây dựng phương pháp luận và phương pháp tổ chức là nền tảng cho sự phát triển hiệu quả công nghệ tuyển chọn những VĐV triển vọng để đưa vào áp dụng trong thực tiễn của các trường PTNK, các câu lạc bộ thể thao, đội tuyển quốc gia Liên Xô ở các môn Olympic.

Trong mối liên hệ với vấn đề này được chia thành các loại hình cơ bản về tuyển chọn và định hướng thể thao sau:

- Tuyển chọn và định hướng thể thao chung, hướng đến khả năng lôi cuốn một lượng lớn trẻ em trong các giờ học thể thao và tuyển chọn những trẻ em và thanh thiếu niên có năng khiếu trong các giờ học thể thao ở trường PTNK. Đây là kiểu định hướng và tuyển chọn dựa trên các yếu tố ban đầu trong toàn bộ hệ thống đào tạo nhiều năm về dự tuyển thể thao.

- Phân loại tuyển chọn và định hướng nhằm xác định lợi ích của thể thao đối với trẻ em và thanh thiếu niên với những giờ học của một trong số các môn thể thao cụ thể.

- Vai trò của tuyển chọn và định hướng nhằm xác định các môn thể thao cụ thể hoặc vai trò của đội tuyển đối với VĐV trẻ.

- Tuyển chọn và định hướng thi đấu nhằm lựa chọn trong số những VĐV dự tuyển tốt nhất và định hướng cho chúng ở các cuộc thi đấu trong số hiệu cụ thể chương trình thi đấu.

Vấn đề tuyển chọn và định hướng thể thao được quyết định bởi bốn nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- “Hình thành ý tưởng” - là xác định yêu cầu cần được đáp ứng theo từng lớp – khóa VĐV ở các môn thể thao phù hợp.

- Dự đoán – dự báo có thể được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn phân loại, bảo đảm hiệu quả trong tuyển chọn các VĐV.

- Tổ chức tuyển chọn: Số lượng các giai đoạn tuyển chọn, sự lặp lại các giai đoạn đó, số lượng và sự phân bổ các bài test trong từng giai đoạn tuyển chọn riêng biệt.

Việc dự báo đặc điểm phát triển thể thao được dựa trên hai cách tiếp cận:

- Nghiên cứu sự ổn định mức độ phát triển cá nhân.

- Nghiên cứu tỷ lệ tăng trưởng các chỉ số/test.

K.P. Sakhnovsky (1990) đã chỉ rõ mục đích chính của tuyển chọn thể thao như là phân chia bộ phận TDTT quần chúng trong thanh thiếu niên và dự tuyển thể thao. Điều này tạo ra trong mặt bằng xã hội xu hướng công việc về tuyển chọn thể thao trong lĩnh vực tuyển chọn chuyên ngành, với ngụ ý là tuyển chọn nguồn dự tuyển cho TTTTC.

Khái quát lại những phân tích trên, có thể xây dựng các nhiệm vụ chính trong tuyển chọn thể thao gồm:

- Xác định mô hình các lớp VĐV tài năng cho từng môn thể thao.

- Mức độ dự đoán năng khiếu và dự báo tiềm năng của VĐV ở trình độ cao.

- Tổ chức tuyển chọn thể thao.

Như vậy, có thể kết luận rằng ở độ tuổi 5-7 trong các môn thể thao sớm và độ tuổi 9-12 trong tất cả các môn thể thao là rất quan trọng trong kế hoạch bổ sung tài năng trẻ cho trường PTNK với việc tập trung vào một hoặc một nhóm môn thể thao cụ thể. Trong mối liên hệ với những vấn đề đặc trưng nói trên đòi hỏi cần có một cách tiếp cận riêng biệt trong việc xác định yêu cầu cho quá trình phân tích.

Tại Trung Quốc:

Rizak chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong cách thức tìm kiếm và phát triển tài năng ở Trung Quốc là đầu tư vào hệ thống đào tạo tại các trường học. Những VĐV được tuyển mộ và lựa chọn theo cách thức sau:

- HLV sẽ là người phát hiện ra những VĐV tài năng qua các sự kiện thể thao tại các trường học;

- Giáo viên giáo dục thể chất đưa ra những nhận xét về những học sinh được lựa chọn;



Xây dựng mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong đào tạo tài năng thể thao

- Những học sinh này sẽ phải trải qua những bài kiểm tra trước khi được nhận. Sau đó, các bậc phụ huynh của những học viên này sẽ được thông báo về việc con cái họ được lựa chọn;

- Trẻ em ở lứa tuổi từ 13 – 17 có tài và khả năng đặc biệt sẽ được lựa chọn vào những trường đào tạo thể thao, ở đó chúng được ăn, ở, học và luyện tập cùng nhau. Tất cả chi phí đều do Nhà nước trợ cấp.

Tại Australia: Trong những năm gần đây rất nhiều những môn thể thao tại Australia đã khởi động chương trình tìm kiếm tài năng. Khi Sydney giành được quyền đăng cai Thế vận hội 2000, Chính phủ nước này đã thành lập một quỹ phát triển những VĐV tài năng và xuất sắc. Bước đầu tiên của chương trình tìm kiếm tài năng này là đưa ra những điều kiện cần thiết về mặt thể lực và tâm sinh lý, tiếp đến là việc lựa chọn những VĐV phù hợp để tham gia thi đấu.

Có 3 giai đoạn trong chương trình tìm kiếm tài năng ở Australia là:

- Lựa chọn, phát hiện những VĐV tiềm năng

ở những trường học;

- Kiểm tra, đánh giá khả năng và trình độ của VĐV;

- Phát triển tài năng.

Giai đoạn 1 là giai đoạn tìm kiếm những VĐV có tiềm năng ở những trường học thông qua 8 bài kiểm tra thể lực cơ bản và được thực hiện bởi những giáo viên thể chất. Kết quả kiểm tra này sau đó được chuyển đến cho những điều phối viên cấp bang, những người chịu trách nhiệm so sánh kết quả này với những chỉ tiêu quốc gia. Những học sinh nào đạt yêu cầu sẽ được tham gia giai đoạn 2.

Giai đoạn 2 cũng áp dụng một số bài kiểm tra như ở giai đoạn 1 nhưng ở mức độ cao hơn. Những học sinh vượt qua được bài kiểm tra ở giai đoạn này sẽ được tham gia vào một “chương trình đào tạo tài năng” được tổ chức bởi một tổ chức cấp quốc gia hoặc cấp bang. Khoảng 10% những học sinh đạt yêu cầu ở giai đoạn này sẽ được tham gia vào những nhóm đào tạo đặc biệt. Những VĐV còn lại được khuyến

khích tham gia vào các CLB thể thao để phát triển thêm kỹ năng.

Tại các nước Tây Âu: Theo Riordan (1988), có những đặc điểm chung trong chương trình tìm kiếm và phát triển tài năng của một số quốc gia Tây Âu.

Giai đoạn 1: Giai đoạn lựa chọn cơ bản: Giai đoạn này được thực hiện tại các trường học thông qua những chương trình giáo dục thể chất hoặc tại một số CLB thể thao. Những tiêu chuẩn chính để lựa chọn ở giai đoạn này bao gồm: chiều cao, cân nặng, tốc độ, khả năng chịu đựng, khả năng tiếp thu và những bài kiểm tra ở những bộ môn thể thao cụ thể để đánh giá trình độ và những kỹ năng cơ bản.

Giai đoạn 2: Giai đoạn này cách giai đoạn 1 khoảng 18 tháng và được gọi là giai đoạn tuyển chọn ban đầu. Đây là giai đoạn nhằm đánh giá sự tiến bộ của học viên về thể lực thông qua những bài kiểm tra ở những môn thể thao cụ thể cũng như sự phát triển về tâm sinh lý của VĐV. Các học viên được tham gia vào một môn thể thao cụ thể hoặc cũng có thể là một số nội dung thi đấu khác. Họ sẽ có thêm khoảng thời gian là 1 năm, trong khoảng thời gian đó những VĐV này sẽ được tham dự vào đội hình thi đấu của trường học để có cơ hội luyện tập và cọ xát.

Giai đoạn 3: Giai đoạn lựa chọn cuối cùng, cách giai đoạn 1 từ 3-4 năm. Giai đoạn này sẽ chú trọng vào những yếu tố như: sự tiến bộ trong luyện tập, sự ổn định phong độ, kết quả của những bài kiểm tra thể lực cũng như kết quả đánh giá tâm lý và một số bài kiểm tra tổng thể khác. Nếu học viên nào vượt qua được giai đoạn này sẽ giành được một suất đào tạo bán trú tại một trung tâm đào tạo tài năng với những HLV giỏi nhất cùng với cơ sở vật chất tối ưu và dịch vụ y tế tốt nhất.

Tại Singapore: Không chỉ đơn thuần là tạo điều kiện để vận động viên phát triển thành tích thể thao, việc tạo ra sự kết hợp hài hòa trình độ học vấn nhằm tạo ra khả năng tiếp thu các yếu tố khoa học kỹ thuật cũng như đảm bảo cho họ một nghề nghiệp khi trải qua thời kỳ đỉnh cao phong độ cũng là một vấn đề khiến các VĐV nỗ lực phấn đấu. Vào đầu năm 2013, Chính phủ Singapore đã tăng cường hỗ trợ cho các VĐV Singapore nhằm giúp họ cân bằng việc học với

việc theo đuổi niềm đam mê thể thao. Đề án giáo dục VĐV thân thiện (The Athlete-Friendly Education Scheme - AFES) đảm bảo học sinh, sinh viên - những người muốn thành công trong cả học tập và thể thao, nhận được hướng dẫn đúng đắn kịp thời từ các trường.

Giám đốc điều hành Hội đồng Thể thao Singapore (SSC) cho biết: “Chúng tôi muốn hỗ trợ cho các VĐV để họ có thể sống và cống hiến trong niềm say mê với thể thao lâu hơn mà vẫn cân bằng sự nghiệp của họ. Sự quan tâm của các VĐV và được sắp xếp lịch học linh hoạt và nhà trường phải được gập gờ và thông nhất, nhất là trong những tình huống khó khăn, nhà trường cần có sự sắp xếp hợp lý và đặc biệt cho các VĐV”.

Chế độ đãi ngộ cũng chính là một động lực để các gia đình tham gia góp phần đầu tư phát triển thể thao như trường hợp VĐV bơi Joseph Schooling (Singapore) người mang về chiếc HCV Olympic 2016, song gia đình của anh đã phải đầu tư rất nhiều. Tờ Strait Times đã tính rằng tổng số tiền mà gia đình Schooling trang trải để anh học tại Mỹ lên đến 1 triệu SGD (hơn 22 tỷ đồng). Con số này xấp xỉ tiền thưởng mà anh nhận được cho những thành tích ở SEA Games, ASIAD và Olympic (1,55 triệu SGD). Cha của Schooling - ông Colin thẳng thắn cho biết, tiền thưởng cho Joseph dùng để trả các khoản nợ ngân hàng vì ông đã vay để đầu tư cho con. Ngoài ra, Thể thao Singapore giúp đỡ hết sức để Schooling thi đấu. Tại các giải đấu lớn, quốc gia này luôn cử đoàn tiền trạm sang nơi thi đấu nhiều lần để chọn nơi đóng quân tốt nhất. Schooling có vệ sĩ bảo vệ, có chuyên gia y tế, vật lý trị liệu, phân tích video... để an tâm thi đấu. Cụ thể tại Olympic 2016, chỉ riêng việc ăn uống, Singapore đã chu đáo đến mức mang sang hai đầu bếp để chế biến 88 món ăn phục vụ Schooling và đồng nghiệp. Rõ ràng, từ Chính phủ cho đến gia đình đã tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi cho các VĐV TTTC tại Singapore. Chính nhờ sự ủng hộ đó thể thao của đất nước này đã và đang có được những thành công nhất định, Singapore trở thành một trong những điểm sáng của thể thao khu vực.

Tại Thái Lan: Ở góc độ cơ chế đầu tư, rõ ràng khó có thể chỉ trông chờ vào nguồn ngân

sách từ Chính phủ, nó cần được thúc đẩy cả bởi các yếu tố gia đình và xã hội. các nguồn lực đầu tư không chỉ dùng cho việc đào tạo, mà còn dành cho việc nghiên cứu, tiếp cận với những giải pháp khoa học, kỹ thuật góp phần thúc đẩy thành tích của VĐV. Bên cạnh đó là tạo ra cơ chế đãi ngộ thông qua thành tích mà họ đạt được một cách thỏa đáng nhằm kích thích không chỉ VĐV đó nỗ lực mà còn thu hút các tài năng khác tham gia con đường thể thao chuyên nghiệp.

Quỹ phát triển Thể thao quốc gia Thái Lan là một mô hình được xây dựng nhằm thúc đẩy TTTTC tại quốc gia này. Quỹ không chỉ hỗ trợ cho các VĐV, mà đặc biệt nó còn hỗ trợ cho cả các huấn luyện viên, Hiệp hội, Liên đoàn thể thao theo các quy định chặt chẽ. Theo Siam Sports, ước tính Quỹ phát triển Thể thao Thái Lan chi ra ít nhất 120 triệu Baht (hơn 81 tỉ đồng) để thưởng cho các VĐV, huấn luyện viên Thái Lan vừa giành huy chương tại SEA Games 31.

Tại kỳ Đại hội vừa qua, Đoàn Thể thao Thái Lan đứng thứ 2 trên Bảng tổng sắp với 92 HCV, 103 HCB và 136 HCD. Theo quy định, mỗi VĐV giành HCV sẽ nhận 300.000 Baht/người (chừng 200 triệu đồng), HCB nhận 150.000 Baht (hơn 100 triệu đồng) và HCD nhận 75.000 Baht (hơn 50 triệu đồng).

2. Bài học kinh nghiệm trong xây dựng mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao ở Việt Nam

Thông qua những phân tích kết quả đạt được từ mô hình đào tạo nguồn kế cận TTTTC của một số nước trên thế giới, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm cho công tác đào tạo nguồn kế cận TTTTC ở Việt Nam, cụ thể là:

- Xây dựng hệ thống đào tạo tài năng thể thao thống nhất từ trung ương đến địa phương, đảm bảo tính kế thừa.

- Đầu tư trọng điểm một số môn thể thao mũi nhọn, đủ sức cạnh tranh huy chương ở Asiad và Olympic;

- Xây dựng hệ thống tuyển chọn VĐV đủ cả về số lượng và chất lượng.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư cho TDTT, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội và cá nhân tham gia vào phát triển tài năng thể thao.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo tài năng thể thao, đảm bảo vấn đề dinh dưỡng, hồi phục thể thao.

KẾT LUẬN

Xây dựng mô hình đào tạo nguồn kế cận TTTTC là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong đào tạo tài năng thể thao nhằm đảm bảo lực lượng VĐV kế thừa và nâng cao thành tích thể thao, đặc biệt ở các đấu trường châu lục và thế giới. Qua phân tích và tổng hợp kinh nghiệm đào tạo tài năng thể thao trên thế giới, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm trong đào tạo nguồn kế cận TTTTC ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải (2022), *Chọn hướng đi phù hợp cho thể thao thành tích cao của Việt Nam*.

2. Матвеев Л. П. Основы спортивной тренировки / Л. П. Матвеев. - М.: Физкультура и спорт, 1977. - 280 с.

3. Матвеев Л. П. Общая теория спорта : учеб. для завершающего уровня высшего физкультурного образования / Л. П. Матвеев. - М. : Физкультура и спорт, 1997. - 304 с.

4. Никитушкин В. Г. Подготовка юных бегунов / В. Г. Никитушкин, Г. Н. Максименко, Ф. П. Суслов. - Киев : Здоров'я, 1988. - 112 С.

5. Никитушкин В. Г. Отбор в игровые виды спорта / В. Г. Никитушкин, В. П. Губа. - М.: ИКА, 1988. - 288 с.

6. Никитушкин В. Г. Организационно-методические основы под-готовки спортивного резерва / В. Г. Никитушкин, П. В. Квипук' В. Г. Бауэр. - М.: Советский спорт, 2005. - 232 с.

7. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định 223/QĐ-TTg ngày 22/02/2019 phê duyệt đề án "Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035"*, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 9/5/2024, phản biện ngày 13/9/2024, duyệt in ngày 22/10/2024)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Các phong trào rèn luyện thể chất của đồng bào Việt Nam theo gương Bác Hồ vĩ đại

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao trong thời kỳ phát triển mới của đất nước

10. Nguyễn Hoàng Minh Thuận

Đào tạo sinh viên sư phạm ngành Giáo dục thể chất: Góc nhìn từ mô hình TPACK

BÀI BÁO KHOA HỌC

16. Nguyễn Văn Phúc

Đề xuất mô hình giảm thiểu rủi ro thương tích trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Đỗ Hữu Trường; Mai Thị Bích Ngọc

Định hướng phát triển thể thao mạo hiểm tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2025-2030

23. Phạm Việt Hùng

Mô hình đào tạo nguồn kế cận thể thao thành tích cao của một số nước trên thế giới và bài học đối với thể thao Việt Nam

29. Phonesooksin TESO; Đinh Thị Mai Anh

Thực trạng các yếu tố chủ quan đảm bảo chất lượng hoạt động Thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học quốc gia Lào

33. Đinh Khánh Thu; Nguyễn Hữu Thành Thái

Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng phong trào tập luyện Dân vũ thể thao của người cao tuổi trên địa bàn quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

38. Nguyễn Đức Thành

Năng lực tính toán của sinh viên các lớp Cờ vua sau ứng dụng các dạng bài tập phối hợp chiến thuật

42. Nguyễn Văn Hòa; Ngô Thị Thúy Nga

Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Thể dục cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

48. Nguyễn Ngọc Nga; Cung Đức Liêm; Nguyễn Trương Phương Uyên

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Tài chính – Marketing

52. Nguyễn Thị Diệp Ly; Dương Thái Bình

Lựa chọn và ứng dụng bài tập thể dục Aerobic phát triển thể lực chung cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

56. Lê Thị Thanh Thủy; Nguyễn Như Phúc

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc dạy và học bơi ếch của học viên Trường Sĩ quan lục quân 1 – Sơn Tây – Hà Nội

62. Nguyễn Đức Thịnh

Hiệu quả ứng dụng bài tập đập bóng nhanh trước mặt ở vị trí số 3 cho nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

66. Bùi Danh Tuyên

Xác định nguy cơ chấn thương trong hoạt động tập luyện của các vận động viên đội tuyển Bóng rổ Trường Đại học Công Nghệ Đông Á

70. Phạm Việt Hùng; Nguyễn Thị Thu Quyết

Thực trạng hiệu quả tuyển chọn vận động viên môn Cử tạ tại Đội tuyển trẻ và Đội tuyển quốc gia Việt Nam

73. Kolakot Simuongsong

Lựa chọn hệ thống bài tập phát triển sức mạnh cho nam vận động viên Taekwondo nội dung thi đấu đối kháng (Kyorugi) lứa tuổi 14 - 17 Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

76. Minh Đức

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 1965-1975

78. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Đông

Bài tập phát triển cơ tay, ngực với tạ đôi

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

Physical training movements of Vietnamese people following the example of great Uncle Ho

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

Training human resources for physical education and sports in the new development period of the country

10. Nguyen Hoang Minh Thuan

Training of Physical Education Pedagogical Students: Perspective from the TPACK Model

ARTICLES

16. Nguyen Van Phuc

Proposing a model to reduce injury risks in sports activities in Vietnam

19. Do Huu Truong; Mai Thi Bich Ngoc

Orientation for developing adventure sports in the Northern Midlands and Mountains in the period 2025-2030

23. Pham Viet Hung

Models of training high-performance sports successors in some countries around the world and lessons for Vietnamese sports

29. Phonesooksin TESO; Dinh Thi Mai Anh

Current status of subjective factors ensuring the quality of extracurricular sports activities of students at the National University of Laos

33. Dinh Khanh Thu; Nguyen Huu Thanh Thai

Assessment of the current status of the folk dance and sports movement of the elderly in Long Bien District, Hanoi City

38. Nguyen Duc Thanh

Evaluation of the computational ability of chess students after applying tactical coordination exercises

42. Nguyen Van Hoa; Ngo Thi Thuy Nga

Solutions to improve the quality of teaching physical education for students of Physical Education at Bac Ninh University of Physical Education and Sports

48. Nguyen Ngoc Nga; Cung Duc Liem; Nguyen Truong Phuong Uyen

Current situation and causes affecting the general physical fitness level of female students majoring in Business Administration at the University of Finance - Marketing

52. Nguyen Thi Diep Ly; Duong Thai Binh

Selection and application of aerobic exercises to develop general physical fitness for students majoring in Physical Education, Hong Duc University

56. Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Nhu Phuc

Current status of factors affecting teaching and learning frog swimming of students of Army Officer School 1 - Son Tay - Hanoi

62. Nguyen Duc Thinh

Effective application of exercises to improve the efficiency of fast front smash at position number 3 for male students of the Volleyball team of the Academy of Posts and Telecommunications Technology

66. Bui Danh Tuyen

Identifying the risk of injury during training activities of athletes of the Basketball Team of Dong A University of Technology

70. Pham Viet Hung; Nguyen Thi Thu Quyet

Current status of effective selection of weightlifting athlete at Vietnam Youth Team and National Team

73. Kolakot Simuongsong

Choosing a system of strength development exercises for male Taekwondo athletes in the competition (Kyorugi) age group of 14-17 in the Lao People's Democratic Republic

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

76. Minh Duc

Construction and development of Bac Ninh Sports University in the period 1965-1975

78. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Dong

Exercises to develop arm and chest muscles with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 5 -2024
(83)

